



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Khách hàng: Công ty TNHH Fuchuan

Địa chỉ lấy mẫu: Công ty TNHH Fuchuan (KCN Bình Xuyên II, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc)

Ngày lấy mẫu: Ngày 09 tháng 9 năm 2024

Thời gian phân tích: Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 16/9/2024

Tên mẫu: *Nước thải công nghiệp*

Kí hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:

- NT1: Nước thải trước hệ thống xử lý nước thải của công ty TNHH Fuchuan;
 tọa độ (X: 2356972; Y: 569683)

- NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của công ty TNHH Fuchuan;
 tọa độ (X: 2356978; Y: 569709)



Bảng tổng hợp kết quả phân tích

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị tính	Kết quả		Giá trị giới hạn tối đa cho phép
				NT1	NT2	A
1	pH*	TCVN 6492:2011	-	7,36	7,14	6-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	TCVN 6625:2000	mg/L	48,1	<10	45
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	24,3	23,2	40
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)*	TCVN 6001-1:2021	mg/L	25,5	11,5	27
5	Amoni (NH ₄ ⁺)/N*	TCVN 6179-1:1996	mg/L	3	<0,2	4,5
6	Màu sắc*	TCVN 6185(C):2015	Pt-Co	72,6	13,5	50
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	65	27,6	67,5
8	Tổng Nitơ (N)*	TCVN 6638:2000	mg/L	18,8	9,98	18
9	Tổng Photpho (P)*	TCVN 6202:2008	mg/L	3,3	1,16	3,6
10	Asen*	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (<0,001)	KPH (<0,001)	0,045
11	Kẽm (Zn)*	TCVN 6193A:1996	mg/L	0,103	<0,07	2,7
12	Sắt (Fe)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	1,42	KPH (<0,07)	0,9

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả).



13	Đồng (Cu)*	TCVN 6193A:1996	mg/L	0,562	KPH (<0,03)	1,8
14	Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,148	KPH (<0,03)	0,45
15	Thủy ngân (Hg)*	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH ($<2.10^{-4}$)	KPH ($<2.10^{-4}$)	0,0045
16	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	3,17	<3	4,5
17	Tổng Coliform*	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100mL	$4,9.10^3$	<2	3.000
18	Sunfua*	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	mg/L	KPH (<0,02)	<0,07	0,18
19	Clo dư (Cl ₂)*	TCVN 6225-3:2011	mg/L	0,82	0,85	0,9
20	Clorua (Cl)*	TCVN 6194:1996	mg/L	65	36,6	450

Ghi chú:

- Lưu lượng nước thải: 950 m³/ngày,đêm (do công ty cung cấp).
- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số được xác định theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận là các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp được tính như sau:

$$C_{\max} = C \times Kq \times Kf$$

Trong đó:

- + C_{\max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải, tính bằng mg/L
- + C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại mục 2.2 của QCVN 40:2011/BTNMT
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận là các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- + Kq là hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải. Nguồn tiếp nhận nước thải là sông Mây có lưu lượng $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$, ứng với $Kq = 0,9$
- + Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải: Lưu lượng nguồn thải của công ty nằm trong khoảng $500 < F \leq 5000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm ứng với $Kf = 1,0$
- + $C_{\max} = C \times 0,9$
- KPH: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VINH PHÚC
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Khai Quang - Vinh Yên - Vinh Phúc, ĐT: 0211.3847853 Fax: 0211.3861390
VIMCERTS: 028 VILAS: 329
Số: 2024 - 487/QTMT Ngày: 16/9/2024

- Các chỉ tiêu có dấu (*) đã được cấp chứng chỉ ISO/IEC 17025:2017 mã Vilas 329.

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG *HL*

Phan Thị Dung

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Linh



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Không trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Vinh Phúc.
3. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả).



THỊNH TRƯỜNG PHÁT
HÀNG ĐẦU - SỐ 1 HÀ NỘI

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 06387 /2024/PKQ(24.4071)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc
- Địa chỉ : Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH FUCHUAN - KCN Bình Xuyên II, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Ngày nhận mẫu : 10/09/2024
- Ngày trả kết quả : 20/09/2024
- Tên mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	N100924-002	Fuchuan.NT1.T9.2024	Nước thải trước hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH FUCHUAN	Nước thải
2	N100924-003	Fuchuan.NT2.T9.2024	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Fuchuan	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7.(-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT
				Fuchuan. NT1.T9. 2024	Fuchuan. NT2.T9. 2024	Cột A, Cmax
1	Chì (Pb) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,03)	KPH (MDL = 0,03)	0,09
2	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/l	TCVN 6193(A):1996	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	0,045
3	Niken (Ni) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	0,18

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Cmax: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Cmax:(Kq=0,9 và Kf=1)

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2024
P. GIÁM ĐỐC

Trần Thị Luyện



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7.(-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

